

Số: 55/2025/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 13 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 45/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị B, sinh năm: 1992; căn cước công dân số 046192005xxx, cấp ngày 11/8/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an; nơi thường trú: Xã CM-LC, thành phố Huế.

- *Bị đơn*: Anh Trần Thanh S, sinh năm: 1987; căn cước công dân số 046087021913, cấp ngày 11/8/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an; nơi thường trú: Xã CM-LC, thành phố Huế.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp* cho cháu Trần Huỳnh Gia H1, Trần Huỳnh Gia H2 theo đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý của chị Huỳnh Thị B: Bà Nguyễn Thị Sương - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Huỳnh Thị B; sinh năm: 1992 và anh Trần Thanh S; sinh năm: 1987.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Huỳnh Thị B và anh Trần Thanh S có 02 người con chung là cháu Trần Huỳnh Gia H1, sinh ngày 27/4/2018 và cháu Trần Huỳnh Gia H2, sinh ngày 25/9/2020. Hai bên đã thỏa thuận với nhau là giao các cháu Trần Huỳnh Gia H1, Trần Huỳnh Gia H2 cho chị Huỳnh Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Trần Thanh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng/01 cháu/01 tháng (tức là 4.000.000 đồng/02 cháu/01 tháng) kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu Trần Huỳnh Gia H1, Trần Huỳnh Gia H2 đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh Trần Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đến hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị Huỳnh Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Thanh S chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng anh S còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị B và anh Trần Thanh S đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị B và anh Trần Thanh S đã tự nguyện thỏa thuận với nhau là chị B phải chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng án phí sơ thẩm chị B phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000249 ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Huế (thuộc Thi hành án dân sự thành phố Huế); chị B đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND xã CM-LC;
- (Đăng ký kết hôn ngày 23/3/2018)
- Dương sự;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Mạnh

